

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 27/5/2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Vũ Yên và ông Nguyễn Văn Cử.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Tân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số: 129/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 16/5/2022, giữa:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Minh T, sinh năm: 1966. Có mặt.

Địa chỉ: khu phố T1, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Bà Võ Thị Đ, sinh năm: 1966. Vắng mặt.

Địa chỉ: khu phố T1, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên. Tạm trú hẻm 33 H, tổ 12, phường N, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25/10/2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Đoàn Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (*Đoàn Minh T*) và bà Võ Thị Đ tự tìm hiểu và đi đến kết hôn được UBND xã H1, huyện P, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/5/1992. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ tôi không tin tưởng ở tôi nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân và không còn chung sống với nhau đã hơn 04 năm, thi thoảng vợ tôi có về nhà rồi lại đi nên tôi quyết định ly hôn càng sớm càng tốt.

Con chung: Có 02 con chung Đoàn Thị V, sinh năm 1992 và Đoàn Thị V1, sinh năm 1994. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Võ Thị Đ trình bày có tại hồ sơ: Bà Đ có bản khai được cấp có thẩm quyền chứng thực chọn Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên giải quyết, xin xét xử vắng mặt. Tại hồ sơ bà Đ có bản khai: Về hôn nhân: Chúng tôi là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do mâu thuẫn vợ chồng đã lâu nên hiện nay đã sống ly thân với nhau hơn 04 năm, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Việc chồng tôi xin ly hôn tôi cũng thống nhất ly hôn, nhưng do hiện nay tôi đang làm ăn xa không về được, Tòa án đã triệu tập họp lệ cho tôi nhưng tôi cũng không thu xếp về được. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi, tôi cũng đồng ý ly hôn với ông Đoàn Minh T.

Con chung: Có 02 con chung Đoàn Thị V, sinh năm 1992 và Đoàn Thị V1, sinh năm 1994. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để nguyên đơn và bị đơn đoàn tụ nhưng không thành. Nguyên đơn vẫn mong muốn được ly hôn với bị đơn, Tòa án đã hòa giải cho các đương sự thuận tình ly hôn nhưng do bị đơn Võ Thị Đ vắng mặt. Vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Đoàn Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà Võ Thị Đ. Bị đơn bà Võ Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Trong đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 25/10/2021, nguyên đơn ông Đoàn Minh T đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn. Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ, do công việc bà Đ không thể đến Tòa, bà Đ có bản khai và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện S đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn ông Đoàn Minh T và bị đơn bà Võ Thị Đ tự nguyện tìm hiểu, tự đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện P, tỉnh Phú Yên ngày 21/5/1992 là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Xét: Tại bản tự khai của bà Võ Thị Đ có xác nhận ngày 22/4/2022 của UBND phường N, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa, nơi bà Đ cư trú, cho nên bản tự khai của bị đơn bà Võ Thị Đ là hợp pháp và được Tòa án chấp nhận.

[2.2] Xét: Tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn ông Đoàn Minh T và bị đơn bà Võ Thị Đ không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai, thực tế hai vợ chồng đã tự bỏ nhau, không sống chung với nhau như vợ chồng đến nay đã hơn 04 năm. Nguyên đơn, bị đơn đều đồng ý ly hôn. Căn cứ các Điều 51, 53, 56 Luật HN&GD năm 2014 Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. HĐXX xét cho nguyên đơn ông Đoàn Minh T được ly hôn với bị đơn bà Võ Thị Đ.

[3] Về con chung có con chung: Có 02 con chung Đoàn Thị V, sinh năm 1992 và Đoàn Thị V1, sinh năm 1994. Các cháu đã trưởng thành nên HĐXX không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung không có, đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 quy định về lệ phí, án phí tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 quy định về lệ phí, án phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Minh T.

Tuyên: Xử cho nguyên đơn ông Đoàn Minh T được ly hôn với bị đơn bà Võ Thị Đ.

2. Về con chung: Có 02 con chung Đoàn Thị V, sinh năm 1992 và Đoàn Thị V1, sinh năm 1994. Các cháu đã trưởng thành nên HĐXX không xét.

3. Về Tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không có tranh chấp và không yêu cầu nên HĐXX không xét.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn ông Đoàn Minh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002628 ngày 11/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện S (02);
- CC THADS huyện S (01);
- Các đương sự (02);
- UBND TT C (01);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung